TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **78**/2024/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 25 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 31/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:
Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985
Địa chỉ: 5 Đ, Phường A, quận T, TP . Hồ Chí Minh

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:
Bà Phạm Thiên Hà Minh N, sinh năm 1987
Địa chỉ: 5 Đ, Phường A, quận T, TP . Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và Bà Phạm Thiên Hà Minh N thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Cát Nhã T1, sinh ngày 27/02/2018. Hai bên thỏa thuận để Bà Phạm Thiên Hà Minh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung, Ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 02/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do ông bà cùng chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và Bà Phạm Thiên Hà Minh N thuận tình ly hôn.

(Ông Nguyễn Văn T và Bà Phạm Thiên Hà Minh N đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 04/2014, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, TP . cấp ngày 06/01/2014).

- Về con chung: Bà Phạm Thiên Hà Minh N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Cát Nhã T1, sinh ngày 27/02/2018; Ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng kể từ tháng 02/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bêm nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

* Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

* Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do Ông Nguyễn Văn T và Bà Phạm Thiên Hà Minh N nộp được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0001042 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, TP . Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Tân Bình;
- UBND Phường 14, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Q. Tân Bình;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thanh Vân